

Bản án số:13/2019/HS-ST

Ngày: 26-4-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Phương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Duy Tuấn

Ông Tạ Hoàng Thành Long

- Thư ký phiên tòa: Bà Diệp Thu Trang - Thư ký tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa:
Ông Lưu Công Cường - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 26 tháng 4 năm 2019, tại Hội trường Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 12/2019/TLST-HS ngày 31 tháng 01 năm 2019 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2019/QĐXXST- HS ngày 11 tháng 4 năm 2019, đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Thị L, sinh ngày: 05/5/1971 tại tỉnh BK; Nơi ĐKKHKT, chỗ ở: Tổ 2, Thị trấn CM, huyện CM, tỉnh BK; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: Không biết chữ; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam ; con ông Nguyễn Văn M – sinh năm 1932 (đã chết) và bà Trịnh Thị G, sinh năm 1943; Gia đình có 3 chị em, bị cáo là con thứ hai; có chồng là Nguyễn Văn H, sinh năm 1970, đã ly hôn; và có 05 con, con lớn sinh năm 1992, con nhỏ sinh năm 2008; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/8/2018, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Nguyên (Có mặt).

2. Nông Thị D, tức (Nông Thị Lệ D), sinh ngày: 16/5/1978 tại tỉnh BK; Nơi ĐKKHKT, chỗ ở: Tổ 3, Thị trấn CM, huyện CM, tỉnh BK; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 5/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nông Văn N – sinh năm 1936 và bà Lê Thị D1, sinh năm 1935; Gia đình có 7 anh chị em, bị cáo là con thứ bảy; Chồng, con : Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/8/2018, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Nguyên (Có mặt).

3. Phùng Thị H1, sinh ngày: 06/11/1961 tại tỉnh TN; Nơi ĐKKHKT, chỗ ở: Xóm CL, xã CL, huyện PL, tỉnh TN; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ

học vấn: 7/10; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phùng Xuân M1 và bà Nguyễn Thị K (đã chết); Gia đình có 3 chị em, bị cáo là con thứ nhất; Chồng Phạm Khắc M2, đã ly hôn và có 2 con, con lớn sinh năm 1985, con nhỏ sinh năm 1987; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/8/2018, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Nguyên (Có mặt).

4. Nguyễn Trung D2, sinh ngày: 15/12/1976 tại tỉnh TN; Nơi ĐKHKTT: Xóm 9, xã CL, huyện PL, tỉnh TN; Chỗ ở: Xóm TT, xã HB, huyện ĐH, tỉnh TN; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Hải A – sinh năm 1952 và bà Trần Thị H2, sinh năm 1957; Gia đình có 4 anh em, bị cáo là con thứ nhất; Vợ Hà Thị Bích Đ3, sinh năm 1978 và có 02 con, con lớn sinh năm 1999, con nhỏ sinh năm 2005; Tiền án: Tại bản án hình sự sơ thẩm số 65/2010/HSST ngày 31/5/2010 của Tòa án nhân dân huyện PL, tỉnh Thái Nguyên xử phạt bị cáo Nguyễn Trung D2 12 tháng cải tạo không giam giữ, phạt bổ sung 3.000.000đ về tội “Đánh bạc” , bị cáo chưa thi hành tiền phạt bổ sung và án phí HSST; Tiền sự: Không.

Nhân thân:

-Ngày 20/9/1995, Công an huyện PL xử phạt vi phạm hành chính 200.000đ về hành vi hành hung lái xe, đập vỡ kính.

-Tại quyết định số 75 ngày 22/6/2005 Công an huyện PL xử phạt 200.000đ về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

-Tại quyết định số 0006847 ngày 10/4/2016 của Công an huyện PL xử phạt 750.000đ về hành vi đánh nhau.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/10/2018, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Nguyên (Có mặt).

* Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị L (Do đoàn luật sư chỉ định): Ông Phạm Quốc C, luật sư văn phòng luật sư Đức Vinh thuộc đoàn luật sư tỉnh Thái Nguyên (Có mặt).

* Người bào chữa cho bị cáo Nông Thị D tức Nông Thị Lệ D (Do đoàn luật sư chỉ định): Ông Phan Đức H3, luật sư văn phòng luật sư Quyết Thắng thuộc đoàn luật sư tỉnh Thái Nguyên (Có mặt).

* Người bào chữa cho bị cáo Phùng Thị H1 (Do đoàn luật sư chỉ định): Ông Nguyễn Văn Đ4, luật sư văn phòng luật sư Hà Thái thuộc đoàn luật sư tỉnh Thái Nguyên (Có mặt).

* Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Trung D2 (Do gia đình và bị cáo mời): Ông Tống Chí C1, luật sư văn phòng luật sư Nguyễn Thanh thuộc đoàn luật sư Hà Nội (Có mặt).

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Đỗ Văn T, sinh năm 1963. Trú tại: Xóm 9, xã CL, huyện PL, tỉnh TN (vắng mặt).

***Người chứng kiến:**

1. Chị Trần Thị H4, sinh năm 1982

Trú tại: Xóm B1, xã PM, huyện PL, tỉnh TN (vắng mặt)

2. Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1969

Trú tại: Xóm TH, xã PM, huyện PL, tỉnh TN (vắng mặt)

3. Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1969

Trú tại: Xóm TT, xã HB, huyện ĐH, tỉnh TN (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa. Nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 16 giờ 30 phút ngày 09 tháng 8 năm 2018, tổ công tác của Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh Thái Nguyên đến khu vực đoạn đường quốc lộ 3 thuộc xóm TH, xã PM, huyện PL, tỉnh TN để xác minh nguồn tin về tội phạm. Khi đến hiện trường phát hiện có ba đối tượng là nữ giới, gồm: Nguyễn Thị L, Nông Thị D, Phùng Thị H1 đang đứng ở lề đường, trong đó Nguyễn Thị L đang xách trên tay túi nilon màu đỏ bên trong có chứa 2 túi nilon (01 gói nilon màu trắng và 01 gói nilon màu hồng) đều chứa chất dẻo màu nâu, nghi là nhựa thuốc phiện (Niêm phong ký hiệu N); 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu hồng có số thuê bao 0965325828 và 0911202196; số IMEI 1: 867609031683535; số IMEI 2: 867609031683527; 800.000đ (Tám trăm nghìn đồng) tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam. Tiến hành kiểm tra Nông Thị D và Phùng Thị H1 đã tạm giữ: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia C2 vỏ màu đen, mất nắp ốp sau lưng, có số thuê bao 01693890272 của H1, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone vỏ màu vàng, có số thuê bao 0943034893 của D. Tổ công tác tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, niêm phong vật chứng và đưa các đối tượng về trụ sở Cơ quan cảnh sát điều tra để tiếp tục làm rõ.

Cùng ngày Cơ quan điều tra ra lệnh khám xét khẩn cấp đối với Nguyễn Thị L tại tổ 2, thị trấn CM, huyện CM, tỉnh BK. Thu giữ trong túi xách màu xanh tại phòng khách nhà L 01 gói nilon màu trắng bên trong chứa chất dẻo màu nâu, nghi là nhựa thuốc phiện (niêm phong ký hiệu K); 01(một) cân tiểu ly vỏ gỗ.

Quá trình điều tra, các bị cáo khai: Do Phùng Thị H1 có mối quan hệ quen biết với Nông Thị D và Nguyễn Trung D2 từ trước, Nguyễn Thị L là hàng xóm của Nông Thị D. Còn giữa L và H1, giữa D2 và D, L không có quan hệ quen biết từ trước. Ngày 07/8/2018, D2 có khách là Đỗ Văn T, sinh năm 1963, trú tại xóm 9, xã CL, huyện PL, tỉnh TN có nhu cầu mua từ 01 đến 02 kg nhựa thuốc phiện nên D2 đã gọi điện thoại cho H1 bảo H1 tìm mua thuốc phiện để bán. H1 đã điện thoại cho D bảo D tìm mua nhựa thuốc phiện, D lại điện thoại cho Nguyễn Thị L báo có khách đặt mua nhựa thuốc phiện và bảo L đi tìm mua về bán kiếm lời, L đồng ý. Giao dịch xong D báo cho H1 biết việc trên, H1 đã đi đến nhà D2 báo lại nội dung trên cho D2. D2 thống nhất giá mua nhựa thuốc

phiện với H1 là 85.000.000đ/1 kg và hứa khi xong việc sẽ trả công cho H1 3.000.000đ. Thỏa thuận xong L đón xe khách đi đến bãi khai thác vàng SP, tỉnh LC gặp và mua toàn bộ số nhựa thuốc phiện nêu trên của một người nam giới người dân tộc Mông (không rõ họ tên và địa chỉ) hết 25.000.000đ (hai mươi lăm triệu đồng), rồi ra đón xe khách đem về nhà riêng tại tổ 2, thị trấn CM, huyện CM, tỉnh BK, lấy ra một ít gói vào túi nilon màu trắng cất giấu tại nhà riêng làm mẫu bán, đồng thời báo cho D biết đã mang nhựa thuốc phiện về nhà. D điện thoại báo cho H1. H1 đến nhà D2 báo cho D2 để D2 báo cho khách mua chuẩn bị tiền, nhưng do khách của D2 chưa đủ tiền nên D2 bảo H1 báo lại với D ngày 09/8/2018 sẽ trực tiếp gặp nhau mua bán nhựa thuốc phiện. D đã báo lại cho L biết.

Khoảng 11 giờ ngày 09/8/2018, H1 đi đến nhà D2 để cùng D2 đi BK mua nhựa thuốc phiện thì được D2 cho biết khách của D2 hẹn mang nhựa thuốc phiện đến thị trấn Đ5, huyện PL, tỉnh TN. H1 đã gọi điện cho D, D đã báo lại cho L nội D trên, L đồng ý. Sau đó H1 một mình đi taxi từ nhà D2 đến điểm hẹn chờ D.

Khoảng 11 giờ 45 ngày 09/8/2018, D dùng xe mô tô biển số 97B1-70882 chở L mang theo nhựa thuốc phiện đi xuống thị trấn Đ5, huyện PL, tỉnh TN gặp H1. Khoảng 14 giờ cùng ngày khi H1, D, L đang ở thị trấn Đ5 thì D2 điện thoại cho H1 bảo mang nhựa thuốc phiện xuống cánh đồng PG, thuộc xóm TH, xã PM, huyện PL. H1 đã báo lại nội D trên cho D. Sau đó H1 đi taxi không rõ biển số, còn D chở L đi xe mô tô đến gặp D2. Khi H1, D, L đến điểm hẹn thấy D2 đi trên taxi màu trắng, không rõ biển số đang dừng đỗ ở ven đường hướng BK - TN. L cầm túi nilon đựng nhựa thuốc phiện đứng ở lề đường gần quán nước nhà anh Dương Thanh X, sinh năm 1984, tại tiểu khu CL, thị trấn Đ5, huyện PL, tỉnh TN còn H1, D lên xe taxi của D2 và bảo D2 cho xem tiền trước. Vì vậy D2 bảo lái xe chở 3 người đi tiếp để gặp T, khi thấy một chiếc ô tô màu trắng khác đang đỗ ở ven đường, D2 bảo H1 và D lên đó để gặp T và xem tiền. D2 thấy T xuống xe đó, thì bảo H1 và D vào xe của T, sau đó T đi sang xe taxi của D2 cùng D2 quay về để cho H1 và D giao dịch mua bán ma túy với khách của T đang ở trên xe ô tô mà D và H1 vừa vào. H1 và D sau khi sang xe ô tô của T thấy trên xe có một người nam giới điều khiển xe, 01 người nữ giới ngồi cạnh ghế lái, H1 và D không biết tên, tuổi và địa chỉ của hai người này. Khi H1 hỏi tiền nong thế nào thì hai người mua bảo phải nhìn thấy nhựa thuốc phiện thì mới giao tiền. H1, D bảo phải đi đón L thì mới có nhựa thuốc phiện. Hai người này đồng ý. Khi đón được L, xe quay lại hướng BK - TN, L đưa nhựa thuốc phiện cho người nữ giới để kiểm tra chất lượng nhựa thuốc phiện. Khi đang kiểm tra thì T lấy điện thoại của D2 gọi đến cho H1 bảo lấy hộ từ người nữ giới mua thuốc phiện 10.000.000đ, người nữ giới cầm điện thoại của H1 bảo có đủ 2 kg đâu mà đòi 10.000.000đ, tý về em sẽ trả tiền anh. Lúc đó do không thống nhất được số lượng, giá cả nên H1, D, L đã xuống xe ô tô của người mua. Hai người

mua thuốc phiện bỏ đi. Khi L, H1, D đang đứng ở cạnh đường, thì bị lực lượng Công an kiểm tra phát hiện bắt quả tang thu toàn bộ vật chứng như đã nêu trên. Số nhựa thuốc phiện L cất giấu tại nhà cũng nhằm mục đích mua bán đã bị thu giữ khi khám xét.

Chiếc xe mô tô Honda, loại Wave, biển số 97B1-70882 của Nông Thị D dùng để chở Nguyễn Thị L đi bán thuốc phiện ngày 09/8/2018 do L gửi lại quán nước của anh Dương Thanh X đã bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thái Nguyên thu giữ.

Đến khoảng 16 giờ 30 phút cùng ngày D2 biết H1 bị cơ quan công an bắt giữ. D2 đã đến xóm TT, xã Hoà Bình, huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên và ở đó đến ngày 22/10/2018 bị bắt giữ. Quá trình bắt giữ Nguyễn Trung D2 đã phát hiện bắt quả tang D2 đang có hành vi cất giấu trong túi quần bên phải đang mặc: 01 túi nilon màu trắng chứa chất bột màu trắng có khối lượng là 1,03 gam nghi là heroine, 01 túi nilon màu trắng bên trong chứa tinh thể màu trắng có khối lượng 0,73 gam nghi là ma túy tổng hợp dạng đá; 01 túi nilon màu trắng bên trong chứa 07 viên nén màu hồng có khối lượng là 0,71 gam nghi là ma túy tổng hợp hồng phiến (niêm phong ký hiệu A). D2 khai là ma túy heroine, ma túy đá, ma túy hồng phiến của D2 mua về để sử dụng. Tổ công tác đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, niêm phong vật chứng và đưa D2 về cơ quan điều tra Công an tỉnh Thái Nguyên để điều tra làm rõ.

Cùng ngày Cơ quan điều tra ra lệnh khám xét khẩn cấp đối với Nguyễn Trung D2 tại xóm TT, xã HB, huyện ĐH, thu giữ:

Tại đầu giường trong phòng ngủ của D2 01 điện thoại di động nhãn hiệu nokia vỏ màu đen, đã qua sử dụng, có số Imei: 358998092060360, Imei 2:358998093060369, kèm theo 02 sim số 0796064073 và 0333460072; 01 điện thoại di động vỏ màu hồng nhãn hiệu Iphone S có số Imei 355693077819053, kèm theo sim số 0965876176 (niêm phong ký hiệu B).

Tại ngăn kéo tủ bên phải phía dưới trong phòng ngủ của D2 01 cân điện tử nhãn hiệu Digital Scale 500g x 0,01 gam Made in china vỏ màu đen; 01 ví giả da màu đen trong ví có 01 CMTND số 090870869 mang tên Nguyễn Trung D2 và số tiền 1.500.000đ; 01 mảnh giấy bạc màu trắng kích thước 0,8cm x 15cm.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thái Nguyên đã tiến hành mở niêm phong, cân vật chứng, lấy mẫu gửi giám định số chất dẻo màu nâu thu giữ khi bắt quả tang, khám xét nơi ở Nguyễn Thị L, và số chất bột màu trắng, tinh thể màu trắng, viên nén màu hồng thu giữ khi bắt quả tang Nguyễn Trung D2 theo quy định, bì niêm phong gửi giám định lần lượt có các ký hiệu: N1, K1, A1, A3, A5.

Tại Kết luận giám định số 953/KL-PC54 ngày 14/8/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Thái Nguyên, kết luận:

Chất dẻo màu nâu trong mẫu N1 gửi giám định không xác định được là chất gì, có khối lượng gửi giám định là 9,94 gam. Tổng khối lượng thu giữ ban đầu là: 1279,5 gam.

Chất dẻo màu nâu trong mẫu K1 gửi giám định không xác định được là chất gì, có khối lượng là 0,89 gam.

Tại Kết luận giám định số 4530/C09 (TT2) ngày 18/8/2018 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an kết luận:

Mẫu chất dẻo màu nâu ký hiệu N1 và K1 gửi giám định là ma túy, loại Thuốc phiện (nhựa thuốc phiện). Hàm lượng Morphine trong mẫu ký hiệu N1 và K1 lần lượt là 9,4% và 8,9%.

Tại Kết luận giám định số 1159/KL-PC09 ngày 30/10/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Nguyên, kết luận: Chất bột màu trắng trong mẫu A1 gửi giám định là chất ma túy, loại Heroine. Khối lượng gửi giám định là 0,17 gam. Khối lượng thu giữ ban đầu là 1,03 gam.

Chất tinh thể màu trắng trong mẫu A3 gửi giám định là chất ma túy, loại Methamphetamine. Khối lượng gửi giám định là 0,35 gam. Khối lượng thu giữ ban đầu là 0,73 gam.

Viên nén hình tròn màu hồng trong mẫu A5 gửi giám định là chất ma túy, loại Methamphetamine. Khối lượng gửi giám định là 0,18 gam. Khối lượng thu giữ ban đầu là 0,71 gam.

Đối với số ma túy thu giữ khi bắt quả tang D2 khai: Khoảng 16 giờ ngày 18/10/2018, D2 đi đến Bến xe khách Thái Nguyên thuộc phường ĐQ, thành phố TN, tỉnh TN, D2 gặp và mua toàn bộ số ma túy tổng hợp “Hồng phiến”, “dạng đá” và Heroine nêu trên của một người nam giới khoảng 40 tuổi (không rõ họ tên và địa chỉ) hết 1.200.000đ (Một triệu hai trăm nghìn đồng). Sau khi mua được ma túy, D2 đem về nhà lấy ra một phần sử dụng cho bản thân, số ma túy còn lại D2 đem theo trên người với mục đích để sử dụng, thì bị lực lượng Công an phát hiện bắt quả tang thu toàn bộ vật chứng như đã nêu trên.

Bản cáo trạng số 09/CT-VKS-P1 ngày 30 tháng 01 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên truy tố các bị cáo Nguyễn Thị L, Phùng Thị H1, Nông Thị D (Nông Thị Lệ D) về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm a khoản 3 điều 251 Bộ luật hình sự; bị cáo Nguyễn Trung D2 về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm a khoản 3 điều 251; điểm i khoản 1 điều 249 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo Nguyễn Thị L, Phùng Thị H1, Nông Thị D khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Bị cáo Nguyễn Trung D2 thay đổi lời khai không nhận tội bị cáo kêu oan.

Phản luận tội tại phiên tòa hôm nay sau khi tóm tắt nội dung vụ án, phân tích đánh giá tính chất vụ án, nhân thân, tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo. Các bị cáo L, D, H1 nhân thân chưa có tiền án,

tiền sự, quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn, ăn năn hối cải khai nhận hành vi phạm tội của mình, các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, bị cáo D có bố đẻ được nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến Hạng nhì, bị cáo D được hưởng khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Các bị cáo L, D, H1 không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Đối với bị cáo Nguyễn Trung D2 tại bản án số 65 ngày 31/5/2010 Tòa án nhân dân huyện PL, tỉnh Thái Nguyên xử phạt bị cáo 12 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”, phạt bổ sung 3.000.000đ, buộc bị cáo chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm, bị cáo chưa thi hành hình phạt bổ sung, án phí. Do đó xác định phạm tội lần này bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng là tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, nhân thân bị cáo D2 đã có tiền sự, quá trình điều tra bị cáo D2 nhận tội, tại phiên tòa bị cáo không khai nhận hành vi phạm tội, nên bị cáo không được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, bố bị cáo D2 là thương binh, được nhà nước tặng thưởng Huân chương, bị cáo D2 được hưởng khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố: bị cáo Nguyễn Trung D2 phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; các bị cáo Nguyễn Thị L, Phùng Thị H1, Nông Thị D (Nông Thị Lệ D) phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; áp dụng điểm a khoản 3 Điều 251; điểm i khoản 1 Điều 249; khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt Nguyễn Trung D2 từ 16 năm đến 17 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; 18 tháng tù đến 24 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho hai tội từ 17 năm 06 tháng tù đến 19 năm tù; Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; (khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo D); Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt các bị cáo Nguyễn Thị L, Phùng Thị H1, Nông Thị D mỗi bị cáo từ 15 năm đến 16 năm tù; Hình phạt bổ sung: áp dụng khoản 5 Điều 251 Bộ luật hình sự, phạt bổ sung các bị cáo L, D, H1, D2 phạt mỗi bị cáo từ 10.000.000đ đến 15.000.000đ; miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo D2 về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; vật chứng vụ án: áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự ; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Tịch thu tiêu hủy 08 bì niêm phong, cân tiểu ly, cân điện tử, mảnh giấy bạc, ví giả da, 01 điện thoại NOKIA màu đen thu của bị cáo H1, hỏng không sử dụng được; thu sung quỹ nhà nước 01 điện thoại OPPO của L; 01 điện thoại IPHONE màu vàng và 01 xe HONDA BKS 97B1-70882 thu của D; 01 điện thoại NOKIA thu của D2; tạm giữ của bị cáo L 800.000đ; của bị cáo D2 1.500.000đ và 01 điện thoại IPHONE để thi hành án; trả cho bị cáo D2 01

chứng minh thư nhân dân mang tên Nguyễn Trung D2; Buộc các bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo không tranh luận gì.

Luật sư Phạm Quốc C bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị L: Không có ý kiến gì về tội danh, điều luật, điểm khoản truy tố của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên đối với bị cáo; Luật sư trình bày nguyên nhân bị cáo phạm tội là do bị cáo D gọi điện nhờ L tìm ma túy, L và D không có sự bàn bạc; hoàn cảnh của bị cáo hiện nay hết sức khó khăn, gia đình thuộc hộ nghèo, vợ chồng bị cáo ly hôn, bị cáo trực tiếp nuôi mẹ già, chị gái tàn tật và nuôi 05 con, bị cáo là lao động chính, do hoàn cảnh như vậy nên bị cáo đã làm liều. Hậu quả bị cáo bị bắt giữ khi đang giao H4ng số nhựa thuốc phiện bị thu giữ ngay nên chưa bị phát tán, trọng lượng 1.280,39 gam, căn cứ Nghị quyết số 01 ngày 15/3/2001 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thì khối lượng nhựa thuốc phiện bị cáo mua bán tương ứng mức thấp ở khoản 3 Điều 251 Bộ luật hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng hình phạt đối với bị cáo phù hợp. Về số tiền 800.000đ thu giữ của bị cáo, bị cáo khai báo rõ là do bị cáo làm việc tích lũy được, không phải do buôn bán ma túy, đề nghị xem xét cho bị cáo. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, bị cáo luôn thành khẩn ăn năn giúp cơ quan điều tra nhanh chóng làm rõ vụ án, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; Bị cáo phạm tội do hoàn cảnh khó khăn là hộ nghèo, văn hóa không biết chữ đề nghị cho bị cáo hưởng khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng cho bị cáo mức hình phạt thấp nhất của khung hình phạt, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo; Tạm giữ 800.000đ thu của bị cáo để đảm bảo thi hành án.

Viện kiểm sát đối đáp: Cơ bản Luật sư nhất trí với cáo trạng của Viện kiểm sát Luật sư cho rằng hoàn cảnh của bị cáo khó khăn thuộc hộ nghèo nhưng không có xác nhận của chính quyền địa phương nên không thể xem xét; số thuốc phiện chưa phát tán là do cơ quan Công an đã ngăn chặn; Viện kiểm sát đã đề nghị cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự và đề nghị mức hình phạt đối bị cáo ở mức khởi điểm của khung hình phạt; số tiền thu giữ của bị cáo cũng đề nghị tạm giữ để đảm bảo thi hành án; về vấn đề miễn hình phạt tiền đối với bị cáo thì theo khoản 5 Điều 251 Bộ luật hình sự phạt tiền là hình phạt bổ sung mang tính răn đe giáo dục nên cần áp dụng xử phạt bị cáo.

Luật sư Phan Đức H3 bào chữa cho bị cáo Nông Thị D (Tức Nông Thị Lê D): Nhất trí với quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên đã truy tố đối với bị cáo về tội danh, điều, khoản, điểm áp dụng và bản luận tội đại diện Viện kiểm sát đã trình bày. Bị cáo là người dân tộc thiểu số, nhận thức hạn chế, bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, lần đầu phạm tội, quá trình điều tra cũng như tại

phiên tòa bị cáo thành khẩn ăn năn hối cải, đề nghị cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; Bộ đề của bị cáo được NH4 nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhì, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Hoàn cảnh bị cáo hiện nay khó khăn, một mình nuôi bố mẹ già gần 90 tuổi, bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo mức án thấp nhất của khung hình phạt thể hiện tính nhân văn trong pháp luật.

Viện kiểm sát đối đáp: Cơ bản Luật sư nhất trí quan điểm của Viện kiểm sát. Bản luận tội áp dụng cho bị cáo được hưởng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát đã đề nghị xử phạt bị cáo mức hình phạt là đầu khung hình phạt.

Luật sư Nguyễn Văn Đ4 bào chữa cho bị cáo Phùng Thị H1: Cơ bản thống nhất quan điểm luận tội của Viện kiểm sát. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo về động cơ, mục đích phạm tội là do hoàn cảnh bị cáo khó khăn, bị cáo làm trung gian cho bị cáo L và D, số lượng nhựa thuốc phiện không lớn, sau khi bị bắt bị cáo hợp tác với Cơ quan điều tra đã tố giác hành vi của D2 thành khẩn khai báo để nhanh chóng kết thúc điều tra. Bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo hưởng mức hình phạt dưới khởi điểm của khung hình phạt.

Viện kiểm sát đối đáp: Cơ bản Luật sư nhất trí quan điểm của Viện kiểm sát về tội danh, điều khoản, điểm áp dụng. Tại bản luận tội Viện kiểm sát đã đề nghị cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Đối với điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự thì bị cáo không có việc giúp đỡ cơ quan điều tra phát hiện tội phạm, không có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền. Luật sư đề nghị xử phạt bị cáo dưới khung hình phạt là không có căn cứ, vì phải có từ hai tình tiết giảm nhẹ trở lên thì mới áp dụng được.

Luật sư Đ: Quá trình điều tra bị cáo H1 đã tích cực giúp cho cơ quan điều tra phát hiện bị cáo D2 từ đó cơ quan điều tra đã có biện pháp điều tra nhanh chóng kết thúc vụ án.

Luật sư Tổng Chí C1 bào chữa cho bị cáo Nguyễn Trung D2: Luật sư đề nghị xem xét tại sao không thực hiện trích xuất danh bạ các cuộc điện thoại bị cáo D2 đã liên lạc với các bị cáo khác. Luật sư đưa ra chứng cứ ngoại phạm của bị cáo D2, trong ngày 8 và 9 tháng 8 năm 2018, bị cáo D2 có phục vụ đám ma nhà ông Lục Văn C, có xác nhận của những người trong đám ma, theo những người này thì bị cáo có mặt tham gia phục vụ tại gia đình ông C, sau khi đưa ông C ra đồng, bị cáo còn đưa xe tang về trả, như vậy tại sao D2 có thể xuất hiện vừa

ở đám ma, vừa lên cánh đồng PG gặp bị cáo H1 được, không làm rõ thời gian, địa điểm bị cáo thực hiện hành vi mua bán ma túy. Đối với tội tàng trữ trái phép chất ma túy, tại sao Viện kiểm sát và Hội đồng xét xử không nhất trí với lời khai của bà H1 và cháu M2 đã được Luật sư lấy lời khai là không có căn cứ, vì bị cáo D2 với bà H1 và cháu M2 không có quan hệ mật thiết gì. Luật sư nêu Điều 98 Bộ luật tố tụng hình sự “Không được dùng lời nhận tội của bị cáo làm chứng cứ duy nhất để buộc tội”; Điều 13 Bộ luật tố tụng hình sự “Không đủ căn cứ quy kết đối với D2”.

Viện kiểm sát đối đáp: Luật sư cho rằng ngày 8 và ngày 9/8/2018 bị cáo D2 đi đám ma hàng xóm, tuy nhiên giấy tờ luật sư xác minh, giấy xác nhận không thu thập theo đúng trình tự tố tụng, không phải là tài liệu chứng minh nên Viện kiểm sát không chấp nhận; hai ngày đó bị cáo đi đám ma không thể xuất hiện được ở hai nơi thì căn cứ lời khai của bị cáo H1 và bị cáo D khai rất trung thực tả chi tiết về ăn mặc của bị cáo D2, D2 là người đã đi taxi đưa người mua ma túy đến, trong hai ngày không thể khẳng định là D2 không dờn đám ma; Đối với chị H1 và cháu M2 là những người có quan hệ gia đình với bị cáo D2 (bị cáo D2 khai chị H1 là vợ hai của bị cáo, còn cháu M2 là con của chị H1) nên cơ quan điều tra không mời làm chứng là khách quan.

Luật sư C1: Việc thu thập chứng cứ của Luật sư hoàn toàn đúng quy định. Không nhất trí với việc suy đoán chủ quan của Viện kiểm sát về việc khẳng định bị cáo đi đám ma trong hai ngày không thể không dờn đám ma được; Chị H1 không phải là vợ bị cáo, vì không có đăng ký kết hôn.

Viện kiểm sát: Chính bị cáo khai tuy không đăng ký kết hôn nhưng ăn ở với chị H1 như vợ chồng và thừa nhận chị H1 là vợ hai; Bị cáo H1 xác nhận bị cáo có mặt nơi xảy ra tội phạm, Luật sư có dám khẳng định lời khai của những người làm chứng trong biên bản phạm tội quả tang đối với các bị cáo là không khách quan không.

Luật sư C1: Không dám khẳng định lời khai của những người làm chứng trong các biên bản phạm tội quả tang là không khách quan; Viện kiểm sát không trả lời tại sao không trích xuất các cuộc điện thoại của D2 đã liên lạc.

Viện kiểm sát: Khi Cơ quan điều tra bắt giữ D2, D2 đã được chứng kiến xem các cuộc điện thoại trong đó có nhiều cuộc điện thoại liên lạc với bị cáo H1 rất rõ nội dung, cơ quan điều tra đã niêm phong điện thoại không cần thiết trích xuất; Luật sư thu thập tài liệu không gửi cho Viện kiểm sát nên không đúng trình tự.

Bị cáo D2 tranh luận: Bị cáo không được mua bán thuốc phiện, không được hùn vốn, không biết người mua, người bán, bị cáo có được điện cho chị H1 nhưng là điện để mua bán chớ, chị H1 khai như vậy không đúng.

Viện kiểm sát: Bản luận tội đã phân tích đủ căn cứ buộc tội đối với bị cáo.

Các bị cáo nhất trí với lời bào chữa của các luật sư. Lời nói sau cùng bị cáo L không có ý kiến gì; bị cáo D, H1 xin được giảm nhẹ mức hình phạt và xin được miễn hình phạt bổ sung; bị cáo D2 kêu oan và đề nghị Hội đồng xét xử minh oan cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về hành vi, các quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Thái Nguyên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay các bị cáo Nguyễn Thị L, Phùng Thị H1, Nông Thị D thừa nhận bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên truy tố đối với các bị cáo là đúng không oan. Các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận tội của các bị cáo là khách quan phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, lời khai của người chứng kiến tại cơ quan điều tra, vật chứng thu giữ, kết luận của phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Thái Nguyên và kết luận của Viện khoa học hình sự Bộ công an. Đối với bị cáo D2 quá trình điều tra bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình nhưng tại phiên tòa bị cáo cho rằng bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên truy tố bị cáo về tội “Mua bán trái phép chất ma túy và tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” là không đúng, bị cáo bị oan. Bị cáo nại ra quá trình điều tra cơ quan điều tra bắt giữ bị cáo đã đánh đập, sau đó nhét ma túy vào túi quần của bị cáo, quá trình lấy cung bị cáo bị mớm cung, ép cung, thậm chí ký biên bản hỏi cung không có lời khai. Việc nại ra của bị cáo là không có căn cứ, bởi lẽ: Tại biên bản bắt người phạm tội quả tang hồi 11^h30’ ngày 22/10/2018, các bản tự khai của bị cáo, lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra đều thể hiện là bị cáo đã đọc lại công nhận là đúng, biên bản đối chất đối với T, biên bản đối chất đối với bị cáo H1, quá trình đối chất bị cáo H1 khẳng định không có việc điều tra viên ép cung, mớm cung. Tại phiên tòa Luật sư bào chữa cho bị cáo H1 khẳng định quá trình đối chất cơ quan điều tra làm đúng quy trình và hoàn toàn khách quan. Trong quá trình điều tra bị cáo D2 và Luật sư không có tố cáo hoặc khiếu nại gì về hành vi của điều tra viên. Phải khẳng định lời khai của bị cáo D2 trong quá trình điều tra là khách quan, phù hợp với lời khai của bị cáo H1 và một phần lời khai của bị cáo D khai trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, về thời gian diễn biến sự việc, phù hợp với biên bản phạm tội quả

tang, vật chứng thu giữ, kết luận của cơ quan giám định. Với các tài liệu đã thu thập đã được kiểm tra đánh giá tại phiên tòa, đủ căn cứ khẳng định bản cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo D2 về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” là đúng người, đúng tội, không oan. Đối với căn cứ Luật sư cung cấp cho rằng bị cáo D2 ngoại phạm và không đưa chị H1 và cháu M2 con chị H1 làm chứng khi bắt giữ bị cáo D2 tại gia đình ở xóm TT, xã HB, huyện ĐH là không khách quan vấn đề luật sư đưa ra là không có căn cứ bởi lẽ qua lời khai của bị cáo H1 từ khi bị bắt và tại phiên tòa bị cáo H1 không thay đổi lời khai, đều khẳng định D2 là người đặt vấn đề với H1 tìm mua nhựa thuốc phiện, ngày 9/8/2018 D2 là người đi taxi dẫn người mua nhựa thuốc phiện gặp H1, D, L để mua bán nhựa thuốc phiện, H1 và D được ngồi lên xe taxi cùng D2. Còn việc bắt giữ bị cáo tại gia đình ở xóm TT, xã HB, huyện ĐH cơ quan điều tra lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, có mời người chứng kiến, biên bản thực hiện đúng trình tự quy định của pháp luật. Như vậy hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định: Do có mối quan hệ với nhau từ trước sau khi có khách đặt mua nhựa thuốc phiện, Nguyễn Trung D2 đã gọi điện cho Phùng Thị H1 đặt mua 01 kg đến 2kg nhựa thuốc phiện với giá 85.000.000đ/1 kg, H1 đã điện thoại cho Nông Thị D đặt mua nhựa thuốc phiện. D đã bàn với Nguyễn Thị L tìm mua thuốc phiện về để bán kiếm lời. Ngày 08/8/2018, tại bãi khai thác vàng SP, tỉnh LC, L đã mua 1280,39 gam nhựa thuốc phiện của một nam giới người dân tộc Mông (không rõ họ tên và địa chỉ) với giá 25.000.000đ, sau đó mang về nhà tại tổ 2, thị trấn CM, huyện CM, tỉnh BK, L lấy ra 0,89 gam cất giấu tại nhà riêng để làm mẫu bán. Ngày 09/8/2018, L cùng D mang số nhựa thuốc phiện còn lại 1279,5 gam đi từ thị trấn CM, huyện CM, tỉnh BK đến thị trấn Đ5, huyện PL, tỉnh Thái Nguyên, sau đó cùng H1 mang xuống khu vực cánh đồng PG, thuộc xóm TH, xã PM, huyện PL, tỉnh TN để bán cho khách của Nguyễn Trung D2 chưa kịp bán thì bị tổ công tác của phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh Thái Nguyên phát hiện bắt quả tang thu giữ toàn bộ vật chứng.

Ngoài ra, ngày 22/10/2018, tại xóm TT, xã HB, huyện ĐH, tỉnh TN, Nguyễn Trung D2 còn có hành vi tàng trữ trái phép 1,03 gam ma túy, loại Heroine; 1,44 gam ma túy loại Methamphetamine để sử dụng, chưa kịp sử dụng thì bị tổ công tác của phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh Thái Nguyên phát hiện bắt quả tang.

Với hành vi trên bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên đã truy tố bị cáo Nguyễn Trung D2 về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm a khoản 3 điều 251, điểm i khoản 1 điều 249 Bộ luật hình sự; các bị cáo Nguyễn Thị L, Phùng Thị H1, Nông Thị D

(Nông Thị Lệ D) về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm a khoản 3 điều 251 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

Nội dung Điều 249 Bộ luật hình sự quy định:

1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

a...b...i) Có hai chất ma túy trở lên mà tổng khối lượng hoặc thể tích của các chất đó tương đương với khối lượng hoặc thể tích chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm b đến điểm h khoản này.

Nội dung Điều 251 Bộ luật hình sự quy định:

1. Người nào mua bán trái phép chất ma túy, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

2...3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 15 năm đến 20 năm:

a) Nhựa thuốc phiện...có khối lượng từ 01 kilôgam đến dưới 05 kilôgam.

[3] Tính chất vụ án mua bán trái phép chất ma túy là đặc biệt nghiêm trọng, còn đối với hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy của bị cáo D2 là nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền quản lý sử dụng chất ma túy của Nhà nước, là nguyên nhân phát sinh nhiều tệ nạn và tội phạm khác, gây mất trật tự an ninh địa phương. Hành vi phạm tội của các bị cáo phải xét xử nghiêm bằng pháp luật hình sự để cải tạo giáo dục bị cáo, đồng thời răn đe phòng chống tội phạm chung.

[4] Xét vai trò, nhân thân, tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo. Hội đồng xét xử nhận thấy:

Trong vụ án này bị cáo D2 là người khởi xướng, dẫn người mua nhựa thuốc phiện đến mua, bị cáo L thực hiện tích cực là người trực tiếp đi mua nhựa thuốc phiện, sau đó là H1, D cùng L đem số nhựa thuốc phiện bán kiếm lời.

Nhân thân các bị cáo L, H1, D chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo D2 là đối tượng nghiện đã có tiền án chưa được xóa án tích phạm tội lần nay thuộc trường hợp tái phạm, nhân thân bị cáo D2 đã có tiền sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay các bị cáo L, H1, D đều thành khẩn ăn năn, hối cải khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, bố bị cáo D có công với Tổ quốc được nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhì. Quá trình điều tra bị cáo D2 thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội nhưng tại phiên tòa bị cáo kêu oan nên không được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bố bị cáo D2 là thương binh và được nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến Hạng Ba và Huân chương chiến sĩ giải phóng. Các bị cáo L, H1, D đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm

hành sự tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, bị cáo D2, D được hưởng khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Các bị cáo L, H1, D không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo D2 phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[5] Hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 5 điều 251 Bộ luật hình sự. Phạt bị cáo D2 10.000.000đ, Phạt bị cáo L, D, H1 mỗi bị cáo 7.000.000đ sung quỹ nhà nước. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo D2 về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

[6] Vật chứng vụ án: áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự để xử lý vật chứng cụ thể tạm giữ số tiền 800.000đ thu của bị cáo L; 1.500.000đ và 01 điện thoại IPHONE thu của bị cáo D2 để đảm bảo thi hành án; trả cho bị cáo D2 01 chứng minh thư nhân dân mang tên Nguyễn Trung D2; 3 chiếc điện thoại di động các bị cáo L, D, D2 dùng để liên lạc mua bán ma túy cần tịch thu sung quỹ nhà nước; chiếc điện thoại NOKIA thu giữ của bị cáo H1 hỏng không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy; tịch thu tiêu hủy số vật chứng không còn giá trị sử dụng gồm các bì niêm phong trong có nhựa thuốc phiện, heroine, Methamphetamine, cân, mảnh giấy bạc, ví giả da màu đen.

Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, biển số 97B1-70882 Nông Thị D dùng chở Nguyễn Thị L mang nhựa thuốc phiện đi bán, đăng ký mang tên Nông Thị Lệ D cần tịch thu sung quỹ nhà nước.

[7] Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[8] Về nguồn gốc số nhựa thuốc phiện thu giữ khi bắt quả tang và khi khám xét nhà L, L khai mua của một nam giới người dân tộc Mông (không rõ họ tên và địa chỉ) tại bãi khai thác vàng Sa Phìn, tỉnh LC. Còn D2 khai mua số Heroine, Methamphetamine của một người nam giới tại bến xe ô tô khách Thái Nguyên (không rõ họ tên địa chỉ). Do đó cơ quan điều tra không có cơ sở để xác minh làm rõ.

Quá trình điều tra Nguyễn Trung D2 còn khai đối tượng Đỗ Văn T trú tại xóm 9, xã CL, xã CL, huyện PL, tỉnh TN là người thuê D2 tìm mua 02kg nhựa thuốc phiện để bán cho khách kiếm lời và hứa khi nào xong việc sẽ trả công cho D2 2.000.000đ (Hai triệu đồng), nhưng T không thừa nhận. Tài liệu điều tra đã thu thập được, chưa đủ cơ sở kết luận, cơ quan điều tra tiếp tục làm rõ xử lý theo quy định pháp luật.

Như phân tích trên Hội đồng xét xử thấy đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tại phiên tòa là có căn cứ; chấp nhận một phần đề nghị của các luật sư bào chữa cho các bị cáo L, D, H1; không chấp nhận đề nghị của Luật sư bào chữa cho bị cáo D2.

Vì các lẽ trên Hội đồng xét xử sơ thẩm Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 326 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Trung D2 phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Các bị cáo Nguyễn Thị L, Phùng Thị H1, Nông Thị D (tức Nông Thị Lệ D) phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

1. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 251; điểm i khoản 1 Điều 249; khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38; Điều 55 Bộ luật hình sự, xử phạt: Nguyễn Trung D2 16 năm 6 tháng (Mười sáu năm sáu tháng) tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, 02 (Hai năm) tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo D2 chấp hành hình phạt chung cho hai tội là 18 năm 6 tháng (Mười tám năm, sáu tháng) tù, thời hạn tù tính từ ngày 22/10/2018.

2. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51 (khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo D); Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt:

- Nguyễn Thị L 16 (Mười sáu) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 09/8/2018.

- Nông Thị D (Nông Thị Lệ D) 15 (Mười lăm) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 09/8/2018.

- Phùng Thị H1 15 (Mười lăm) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 09/8/2018.

Áp dụng Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự. Tiếp tục tạm giam các bị cáo Nguyễn Trung D2, Nguyễn Thị L, Phùng Thị H1, Nông Thị D, mỗi bị cáo 45 ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

3. Hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 5 Điều 251 Bộ luật hình sự, phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Trung D2 10.000.000đ (Mười triệu đồng); các bị cáo Nguyễn Thị L, Phùng Thị H1, Nông Thị D mỗi bị cáo 7.000.000đ (Bảy triệu đồng) sung quỹ Nhà nước. Miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo Nguyễn Trung D2 về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

4. Vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Trả cho bị cáo Nguyễn Trung D2 01 chứng minh thư nhân dân số 090870869 mang tên Nguyễn Trung D2.

- Tịch thu sung quỹ NH4 nước: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO vỏ màu hồng, đã cũ, số IMEI 1: 867609031683535, số IMEI 2: 867609031683527 thu của L; 01 điện thoại di động IPHONE vỏ màu vàng số IMEI: 01388000806808 và 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE màu đen

bạc BKS: 97 B1-70882, số máy JA39E0354580, số khung RLHJA3906HY354740, tình trạng xe cũ đã qua sử dụng, không kiểm tra máy bên trong thu của D; 01 điện thoại di động NOKIA vỏ màu đen, đã cũ số IMEI 1: 358998092060360; IMEI 2: 358998093060369 thu của D2.

- Tạm giữ của bị cáo Nguyễn Thị L số tiền 800.000đ; bị cáo Nguyễn Trung D2 số tiền 1.500.000đ Tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam và 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE vỏ màu hồng đã cũ số IMEI: 355693077819053 thu của D2 để đảm bảo thi hành án.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA C2 vỏ màu đen, đã cũ, mất lắp ốp sau lưng, số IMEI 35550605790264 thu của H1; 01 hộp niêm phong ký hiệu N2 trên mép dán có điểm chỉ ngón tay trỏ bên phải của Nguyễn Thị L, các thành phần tham gia niêm phong và 14 hình dấu tròn của Cơ quan CSĐT- Công an tỉnh Thái Nguyên bên ngoài ghi bên trong chứa chất dẻo màu nâu có tổng khối lượng là 1269,56g (Một nghìn hai trăm sáu mươi chín phẩy năm mươi sáu gam) nhựa thuốc phiện; 01 niêm phong số 4530 của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an, trên mép dán có chữ ký, ghi họ tên của giám định viên Nguyễn Thu L4 và cán bộ điều tra Nguyễn Mạnh T3 và 02 hình dấu tròn của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an bên trong là mẫu hoàn lại sau giám định; 01 bì niêm phong ký hiệu A1 trên mép dán có chữ ký, ghi họ và tên của giám định viên Trần Đức T2, Đỗ Thu H4; cán bộ điều tra Nguyễn Mạnh T3 và 03 hình dấu tròn của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Thái Nguyên bên ngoài ghi có tổng khối lượng là 0,153 gam (Không phẩy một trăm năm mươi ba gam) Heroine mẫu vật hoàn lại sau giám định; 01 bì niêm phong ký hiệu A3 trên mép dán có chữ ký, ghi họ và tên của giám định viên Trần Đức T2, Đỗ Thu H4; cán bộ điều tra Nguyễn Mạnh T3 và 03 hình dấu tròn của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Thái Nguyên bên ngoài ghi có tổng khối lượng là 0,219 gam (Không phẩy hai trăm mười chín gam) Methamphetamine mẫu vật hoàn lại sau giám định; 01 bì niêm phong ký hiệu A5 trên mép dán có chữ ký, ghi họ và tên của giám định viên Trần Đức T2, Đỗ Thu H4; cán bộ điều tra Nguyễn Mạnh T3 và 03 hình dấu tròn của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Thái Nguyên bên ngoài ghi có tổng khối lượng là 0,103 gam (Không phẩy một trăm linh ba gam) Methamphetamine mẫu vật hoàn lại sau giám định; 01 bì niêm phong ký hiệu A2 trên mép dán có chữ ký của Nguyễn Trung D2, các thành phần tham gia niêm phong và có 03 hình dấu tròn của Cơ quan CSĐT – Công an tỉnh Thái Nguyên bên ngoài ghi có khối lượng là 0,86 gam (Không phẩy tám mươi sáu gam) Heroine; 01 bì niêm phong ký hiệu A4 trên mép dán có chữ ký của

Nguyễn Trung D2, các thành phần tham gia niêm phong và có 03 hình dấu tròn của Cơ quan CSĐT – Công an tỉnh Thái Nguyên bên ngoài ghi có khối lượng là 0,38 gam (Không phải ba mươi tám gam) Methamphetamine; 01 bì niêm phong ký hiệu A6 trên mép dán có chữ ký của Nguyễn Trung D2, các thành phần tham gia niêm phong và có 03 hình dấu tròn của Cơ quan CSĐT – Công an tỉnh Thái Nguyên bên ngoài ghi có khối lượng là 0,53 gam (Không phải năm mươi ba gam) Methamphetamine; 01 chiếc cân tiểu ly vỏ gỗ; 01 chiếc cân điện tử nhãn hiệu DIGITAL SCALE; 01 mảnh giấy bạc màu trắng kích thước 0,8 cm x15 cm; 01 ví giả da màu đen.

(Hiện nay vật chứng và tiền có tại kho và tài khoản của Cục thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên theo biên bản giao vật chứng ngày 29/01/2019 và ủy nhiệm chi)

5. Án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí. Các bị cáo Nguyễn Trung D2, Nguyễn Thị L, Phùng Thị H1, Nông Thị D mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước.

Điều 26 Luật thi hành án Dân Sự quy định: “Trường hợp bản án quyết định được thi hành án theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án Dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án Dân sự”.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt các bị cáo, vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người vắng mặt kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- TANDTC; TANDCC; Sở TP;
- VKSNDCC; VKSND tỉnh TN;
- CA tỉnh TN; Trại TG;
- Cục THADS tỉnh TN;
- Các bị cáo
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thị Lan Phương

